

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 28 tháng 9 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Võ Đức Hợi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi. Ông Nguyễn Võ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 20/2018/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QDDXXST-HS ngày 17/9/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1998, tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trú tại: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định, Mẹ: bà Trần Thị R, sinh năm 1966. Trú tại: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 12/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm. Bị cáo chấp hành xong vào ngày 29/3/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ và chuyển tạm giam từ ngày 06/8/2018, hiện đang bị tạm giam – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị R, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Anh Hồ Văn G, sinh năm 1986. Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị VKSND huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 6 năm 2018, T cùng với Hồ Văn G, Nguyễn Chí P hợp đồng khai thác keo cho ông Bạch Văn S tại thôn B, xã E, huyện M'Đrăk. T được giao phục vụ cơm nước cho cả tổ. Khoảng 15 giờ ngày 06/8/2018, T đến quán bà H mua nhu yếu phẩm và nước uống, khi đi T mang theo hai cục pin dự phòng điện thoại để sạc nhờ. Sau khi mua hàng tại quán bà H, T xin sạc nhờ pin điện thoại, do hết ổ cắm nên ông L là chồng bà H nói với T vào phòng ngủ của gia đình để sạc. Khi vào phòng ngủ T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã lục tìm trên giường ngủ của vợ chồng bà H thì phát hiện trong gối ngủ có một xấp tiền đựng trong túi ni lon. Sau khi phát hiện, T quay ra xem xét thấy vợ chồng bà H không để ý đến mình nên T trở vào lấy toàn bộ số tiền trên và xin phép vợ chồng bà H để về. Khi về đến địa điểm khai thác, T lấy 8.000.000đồng gửi cho Hồ Văn G cất hộ. Số tiền 17.000.000đồng còn lại T đưa đi cất giấu.

Khoảng 16 giờ cùng ngày bà H phát hiện mất tài sản, nên đã báo cơ quan Công an đồng thời gặp T. T giao nộp toàn bộ số tiền 25.000.000đồng đã chiếm đoạt của bà H.

*** *Vật chứng tạm giữ:***

- Số tiền 25.000.000đồng;
- Xe mô tô biển kiểm soát 47N8-7842;
- 02 cục pin sạc điện thoại dự phòng;
- 01 cuộn dây sạc điện thoại màu trắng;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Trong lúc sặc nhờ pin điện thoại, bị cáo lục tìm và phát hiện trong gói đồ trên giường ngủ có để một túi tiền, lợi dụng vợ chồng bà H không để ý bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; BLHS xử phạt bị cáo từ 12 tháng, đến 18 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Hữu H bào chữa cho bị cáo: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo thiếu tình thương yêu của bố từ lúc còn nhỏ, bản thân của bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật bị hạn chế. Ngay sau khi phạm tội bị cáo đã giao nộp lại toàn bộ tài sản nên đề nghị HĐXX án dụng thêm tình tiết tại điểm b Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người bị hại, những người liên quan và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng lòng tin và sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, khoảng 15 giờ ngày 06/8/2018 bị cáo T đến quán nhà bà Hải tại: Thôn 4, xã Ea M’Đoal, huyện M’Đrăk để mua hàng và sạc nhờ pin điện thoại, trong lúc sạc pin T phát hiện trong gói đồ trên giường ngủ là nơi để tiền của bà Hải, lợi dụng vợ chồng bà Hải không chú ý T đã chiếm đoạt số tiền trên.

Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*). Thiệt hại mà bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ ảnh hưởng đến trật tự trị an, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng không lấy đó để làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã giao nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Người bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên HĐXX cần áp dụng điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với Hồ Văn G cất giữ cho bị cáo số tiền 8.000.000đồng, nhưng không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm

của G về hành vi đồng phạm hay chứa chấp tài sản do người khác phạm tội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Các biện pháp tư pháp:*

[5.1] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

[5.2] *Về vật chứng:*

Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả: Số tiền 25.000.000đồng; Xe mô tô biển kiểm soát 47N8-7842; 02 cục pin sạc điện thoại dự phòng; 01 cụm dây sạc điện thoại màu trắng cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bị cáo T thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, xét miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn T 01(một) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/8/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả: Số tiền 25.000.000đồng; Xe mô tô biển kiểm soát 47N8-7842; 02 cục pin sạc điện thoại dự phòng; 01 cụm dây sạc điện thoại cho chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đức Hợi